

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022
(Đã được soát xét)

Tháng 8 năm 2022

Được quét bằng CamScanner

NỘI DUNG

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05 – 24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập và trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107276138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nghiêm Xuân Đa	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Phạm Đức Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/06/2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tùng Giang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Huy	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2022)

Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc nhận biết được trách nhiệm của mình về việc tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2022



Số: 18/2022/ASCO/BCSX-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được lập ngày 19 tháng 07 năm 2022, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, trong đó mô tả một số chỉ tiêu tài chính và sự kiện cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã đánh giá và đưa ra kế hoạch kinh doanh để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tiếp theo.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 – Phải thu ngắn hạn khách hàng, Công ty đã ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2019 số 98/HĐKCB-BHYT ngày 23/2/2021 – điều chỉnh hiệu lực hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội. Theo đó, hai bên đã thống nhất được nội dung, phương thức thanh toán, quyết toán số liệu khám bệnh, chữa bệnh theo bảo hiểm y tế cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 14/4/2020. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được phí khám chữa bệnh BHYT năm 2019 với số tiền khoảng 20,75 tỷ đồng. Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương, Công ty không ghi nhận nguyên giá quyền sử dụng đất tại Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong giá trị tài sản của Công ty mà thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đối với khu đất nêu trên. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê đất.

Kết luận soát xét của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Số giấy CNĐKHNKT 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	TM	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		56.638.364.347	58.907.291.933
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.101.899.415	5.407.643.615
111	1. Tiền		1.101.899.415	5.407.643.615
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.448.869.019	38.688.230.987
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	48.401.210.999	42.680.631.401
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		375.251.461	418.320.660
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		456.796.570	373.668.937
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(4.784.390.011)	(4.784.390.011)
140	IV. Hàng tồn kho		11.074.624.254	14.798.445.672
141	1. Hàng tồn kho	6	11.074.624.254	14.798.445.672
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.971.659	12.971.659
153	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11	12.971.659	12.971.659
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		180.763.805.188	193.430.865.326
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		177.526.661.471	189.951.157.017
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	177.329.114.101	189.787.926.553
222	Nguyên giá		423.824.030.297	423.425.329.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(246.494.916.196)	(233.637.402.744)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	197.547.370	163.230.464
228	Nguyên giá		2.072.300.970	1.992.300.970
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.874.753.600)	(1.829.070.506)
242	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		115.500.000	115.500.000
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.121.643.717	3.364.208.309
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.121.643.717	3.364.208.309
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		237.402.169.535	252.338.157.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		44.975.022.369	43.583.515.112
310	I. Nợ ngắn hạn		44.975.022.369	43.583.515.112
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	35.971.686.201	30.434.284.659
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.154.854.168	814.815.748
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	54.602.632	76.737.465
314	4. Phải trả người lao động		5.538.042.272	6.249.117.629
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	2.255.837.096	6.008.559.611
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		192.427.147.166	208.754.642.147
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	192.426.697.166	208.231.077.062
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		391.459.707.823	391.459.707.823
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		391.459.707.823	391.459.707.823
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		12.748.944.596	12.748.944.596
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(211.781.955.253)	(195.977.575.357)
421a	- LNST lũy kế đến cuối năm trước		(195.977.575.357)	(152.787.783.981)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(15.804.379.896)	(43.189.791.376)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		450.000	523.565.085
431	1. Nguồn kinh phí	14	450.000	523.565.085
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		237.402.169.535	252.338.157.259

Hoàng Thị Ánh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 07 năm 2022

Đào Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	71.528.900.678	57.293.774.477
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.528.900.678	57.293.774.477
11	4. Giá vốn hàng bán	16	76.389.270.809	69.567.254.326
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(4.860.370.131)	(12.273.479.849)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		5.452.634	3.860.231
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	17	369.664.670	172.263.850
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	10.318.581.568	11.020.880.553
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.543.163.735)	(23.462.764.021)
31	11. Thu nhập khác	19	533.428.362	651.361.802
32	12. Chi phí khác	20	794.644.523	706.994.727
40	13. Lợi nhuận khác		(261.216.161)	(55.632.925)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(15.804.379.896)	(23.518.396.946)
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(15.804.379.896)	(23.518.396.946)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	(404)	(601)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13	(404)	(601)

Hoàng Thị Ánh Nguyệt
Người lập biểu

Đào Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(15.804.379.896)	(23.518.396.946)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.903.196.546	13.760.275.294
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.452.634)	(3.860.231)
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước			
08	những thay đổi vốn lưu động		(2.906.635.984)	(9.761.981.883)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.760.638.032)	19.328.579.189
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.723.821.418	5.077.145.247
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		1.250.437.257	(17.706.344.144)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		242.564.592	505.310.292
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.725.464.150	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.248.579.235)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.973.565.834)	(2.557.291.299)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(337.631.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.452.634	3.860.231
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(332.178.366)	3.860.231
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(4.305.744.200)	(2.553.431.068)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	5.407.643.615	4.990.829.705
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.101.899.415	2.437.398.637



Hoàng Thị Ánh Nguyệt
 Người lập biểu



Đào Thị Thanh Huyền
 Kế toán trưởng



Bùi Sỹ Tuấn Anh
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2022

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107276138 do Sở Kế hoạch và Đầu thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 391.459.707.823 đồng, tương đương 39.145.970 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ khám chữa bệnh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khám chữa bệnh, các kỹ thuật chuyên môn theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 259/BHYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 20 tháng 3 năm 2014.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 377 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 382 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết, chi nhánh hay đơn vị phụ thuộc nào.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Giá định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Công ty có lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2022 và lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 lần lượt là 15.804.379.896 đồng và 211.781.955.253 đồng (6 tháng đầu năm 2021 lỗ 23.518.396.946 đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lỗ 195.997.575.357 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 âm 3.973.565.834 đồng (6 tháng đầu năm 2021 âm 2.557.291.299 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty phụ thuộc nhiều vào việc nhận được tiền từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội. Các yếu tố trên dẫn đến dấu hiệu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Để cải thiện khả năng thanh toán, Ban lãnh đạo Công ty đã đánh giá, thực hiện đầy nhanh việc quyết toán và thu tiền từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng đã phân tích, đưa ra các biện pháp như tiết giảm chi phí, tìm kiếm cơ hội cải thiện lợi nhuận nhằm bù đắp cho khoản lỗ trong kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty đánh giá và tin tưởng khả năng hoạt động liên tục của công ty trong vòng 12 tháng tiếp theo.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2.8 Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Phần mềm	5 - 10
Khác	5 - 10

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh được xác định tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh được xác định tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.12 **Doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu cung cấp các dịch vụ y tế

Doanh thu cung cấp các dịch vụ y tế được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Công việc được xác định đã hoàn thành; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán dược phẩm

Doanh thu bán dược phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và chắc chắn thu được.

2.13 **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	541.086.351	396.764.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	560.813.064	5.010.879.433
Cộng	<u>1.101.899.415</u>	<u>5.407.643.615</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	47.606.647.122	4.784.390.011	37.463.553.454	4.784.390.011
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong kỳ	12.147.059.272	-	-	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2021	9.920.848.458	-	9.997.814.062	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2020	-	-	1.909.138.543	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trong năm 2019 (*)	20.754.349.381	-	20.772.210.838	-
+ Phải thu về tiền khám bệnh, chữa bệnh BHYT phát sinh trước năm 2019	4.784.390.011	4.784.390.011	4.784.390.011	4.784.390.011
Khách hàng dịch vụ khám sức khỏe định kỳ	53.698.000	-	4.017.836.500	-
Đối tượng khác	740.865.877	-	1.199.241.447	-
Cộng	48.401.210.999	4.784.390.011	42.680.631.401	4.784.390.011

(*) Ngày 23/02/2021, Công ty đã ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2019 số 98/HĐKCB-BHYT với Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, quy định về phạm vi hợp đồng, phương thức thanh toán, chữa bệnh doanh thu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019.

Ngày 06/08/2021, BHXH thành phố Hà Nội đã có công văn số 3705/BHXH-GDDBHYT1 gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc tạm ứng kinh phí KCB BHYT năm 2019 đối với Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông Vận tải. Trong đó, số chi phí KCB BHYT năm 2019 được quyết toán là 94,21 tỷ đồng, trong thời gian chờ quyết toán chi phí này theo công văn số 868/BHXH-CSYT của BHXH Việt Nam, BHXH thành phố Hà Nội đề xuất tạm ứng 80% kinh phí KCB BHYT năm 2019 là 75,37 tỷ đồng. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, số chi phí KCB BHYT năm 2019 BHXH thành phố Hà Nội còn chưa thanh toán cho Công ty khoảng 20,75 tỷ đồng. Công ty và Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội đang tiếp tục làm việc và chờ quyết định từ các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu với Bảo hiểm xã hội Hà Nội và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**5. NỢ XẤU**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Có thể thu hồi VND
Phải thu bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội về tiền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế phát sinh trong năm 2016 (*)	4.784.390.011	-	4.784.390.011	-
Công ty Cổ phần Y dược Hưng Thành	37.134.000	-	-	-
Trường Trung cấp y tế Hà Nội	220.671.481	-	-	-
Bảo Giao thông	90.000.000	-	-	-
Cộng	5.132.195.492	-	4.784.390.011	-

(*) Tại ngày 30/06/2022, khoản phải thu cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội bao gồm khoản phải thu phí khám chữa bệnh năm 2016 với số tiền 4.784.390.011 đồng tạm thời chưa được cơ quan bảo hiểm thanh toán. Công ty đang trình làm việc với cơ quan bảo hiểm để làm rõ nguyên nhân và dựa theo đánh giá về khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi toàn bộ số tiền nói trên.

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 30/06/2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá thiện trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dược phẩm dùng cho hoạt động khám chữa bệnh	5.395.889.924	-	8.970.847.109	-
Vật tư y tế, hóa chất dùng cho hoạt động khám chữa bệnh	4.602.338.743	-	4.439.528.454	-
Dược phẩm dùng cho hoạt động kinh doanh tại quầy thuốc	667.423.174	-	1.042.052.534	-
Dụng cụ và vật tư tiêu hao	142.589.072	-	163.464.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	266.383.341	-	182.553.175	-
Cộng	11.074.624.254	-	14.798.445.672	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí thuốc, vật tư y tế đã sử dụng cho các bệnh nhân còn điều trị tại thời điểm cuối kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	189.908.595.971	171.620.535.924	2.549.799.335	44.196.151.151	15.150.246.916	423.425.329.297
Mua sắm	-	398.701.000	-	-	-	398.701.000
30/06/2022	189.908.595.971	172.019.236.924	2.549.799.335	44.196.151.151	15.150.246.916	423.824.030.297
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	54.954.416.575	136.801.791.908	2.370.339.658	29.494.378.285	10.016.476.318	233.637.402.744
Khấu hao	2.399.680.724	7.483.394.392	44.625.000	2.186.043.166	743.770.170	12.857.513.452
30/06/2022	57.354.097.299	144.285.186.300	2.414.964.658	31.680.421.451	10.760.246.488	246.494.916.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	134.954.179.396	34.818.744.016	179.459.677	14.701.772.866	5.133.770.598	189.787.926.553
30/06/2022	132.554.498.672	27.734.050.624	134.834.677	12.515.729.700	4.390.000.428	177.329.114.101

Tại ngày 30/06/2022, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 50.484.441.177 VND (tại ngày 31/12/2021 là 40.761.880.242 VND).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022		
Mua sắm	1.992.300.970	1.992.300.970
	80.000.000	80.000.000
30/06/2022	2.072.300.970	2.072.300.970
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2022		
Khấu hao	1.829.070.506	1.829.070.506
	45.683.094	45.683.094
30/06/2022	1.874.753.600	1.874.753.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022		
	163.230.464	163.230.464
30/06/2022	197.547.370	197.547.370

Tại ngày 30/06/2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.349.409.970 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.269.989.970 VND).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	2.297.502.260	2.422.332.362
Lợi thế kinh doanh (*)	824.141.457	941.875.947
Cộng	3.121.643.717	3.364.208.309

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh theo định giá xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quyết định tại Biên bản Kiểm tra quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động dôi dư, xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sở hữu của Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải do Bộ Giao thông Vận tải và Cục Y tế Giao thông Vận tải ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2017 và được phân bổ đều trong vòng 96 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHIXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Dược liệu Trung ương 2	6.415.276.137	6.415.276.137	5.038.486.436	5.038.486.436
CN Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương tại HN	732.445.943	732.445.943	1.004.497.999	1.004.497.999
Công ty TNHH Gendis	1.316.735.999	1.316.735.999	143.519.999	143.519.999
Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội	1.952.000.956	1.952.000.956	1.469.145.021	1.469.145.021
Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	1.562.446.700	1.562.446.700	483.715.960	483.715.960
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1.201.503.388	1.201.503.388	913.572.358	913.572.358
Công ty TNHH Trang Thiết bị y tế HQ Hà Nội	1.229.780.522	1.229.780.522	400.571.428	400.571.428
Công ty TNHH Thương mại và Phân phối Hoàng Gia	1.158.376.931	1.158.376.931	1.255.852.733	1.255.852.733
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thống Nhất	-	-	1.097.000.000	1.097.000.000
Các đối tượng khác	20.403.119.625	20.403.119.625	18.627.922.725	18.627.922.725
Cộng	35.971.686.201	35.971.686.201	30.434.284.659	30.434.284.659

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang thỏa thuận với các đối tác để gia hạn nợ và tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		30/06/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phát sinh có	Phải thu
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	19.916.153	174.579.327	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.971.659	-	-	12.971.659
Thuế thu nhập cá nhân	-	56.821.312	253.639.438	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	-
Cộng	12.971.659	76.737.465	431.218.765	12.971.659
			409.083.932	54.602.632

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngõ 84, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
Các khoản phải trả khác
Cộng

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	1.718.470.287	5.174.487.424
	537.366.809	834.072.187
Cộng	2.255.837.096	6.008.559.611

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
	391.459.707.823	12.748.944.596	(152.787.783.981)	251.420.868.438
	-	-	(43.189.791.376)	(43.189.791.376)
	391.459.707.823	12.748.944.596	(195.977.575.357)	208.231.077.062
	391.459.707.823	12.748.944.596	(195.977.575.357)	208.231.077.062
	-	-	(15.804.379.896)	(15.804.379.896)
	391.459.707.823	12.748.944.596	(211.781.955.253)	192.426.697.166

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số vốn đã góp	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	%	%
	278.443.707.823	278.443.707.823
	71,13	71,13
	278.443.707.823	278.443.707.823
	71,13	71,13
	86.400.000.000	86.400.000.000
	22,07	22,07
	26.616.000.000	26.616.000.000
	6,80	6,80
Cộng	391.459.707.823	391.459.707.823
	100	100

Đại diện phần vốn nhà nước
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
Cổ đông khác
Cộng

Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.145.970	39.145.970
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.145.970	39.145.970
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	39.145.970	39.145.970
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.145.970	39.145.970
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	39.145.970	39.145.970
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.804.379.896)	(23.518.396.946)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	39.145.970	39.145.970
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(404)	(601)

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

14. NGUỒN KINH PHÍ

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	523.565.085	-
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1.725.464.150	-
Chi sự nghiệp	2.248.579.235	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	450.000	-

Công ty tiếp nhận và triển khai tiêm chủng vắc xin Covid-19 theo các Quyết định và công văn phân bổ vắc xin phòng Covid-19 theo từng đợt của các cơ quan có thẩm quyền. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa thực hiện báo cáo và quyết toán về công tác và tình hình thực hiện tiêm chủng vắc xin cho các đơn vị cấp vắc xin và các cơ quan có thẩm quyền khác.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu Dịch vụ y tế	68.943.185.121	53.714.943.690
Doanh thu của dược phẩm đã bán	2.585.715.557	3.578.830.787
Cộng	71.528.900.678	57.293.774.477

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ y tế	73.723.283.793	66.194.978.216
Giá vốn của dược phẩm đã bán	2.665.987.016	3.372.276.110
Cộng	76.389.270.809	69.567.254.326

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	369.664.670	172.263.850
Cộng	369.664.670	172.263.850

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.355.455.612	5.411.014.224
Chi phí văn phòng	327.635.623	454.196.394
Chi phí công cụ, dụng cụ	497.359.629	412.571.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.104.686.619	1.519.721.686
Các khoản thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.320.321.108	2.549.274.671
Chi phí bằng tiền khác	710.122.977	671.101.705
Cộng	10.318.581.568	11.020.880.553

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	27.854.846.257	27.860.225.920
Chi phí dược phẩm và vật tư y tế	39.525.691.685	31.733.477.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.903.196.546	13.760.275.294
Thuế và các khoản lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.363.791.730	5.185.102.464
Chi phí bằng tiền khác	1.426.990.829	2.049.053.375
Cộng	87.077.517.047	80.591.134.879

19. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tiền thưởng, tiền bồi thường	13.281.723	182.359.639
Thu nhập từ dịch vụ căng tin	502.228.710	336.382.095
Các khoản khác	17.917.929	132.620.068
Cộng	533.428.362	651.361.802

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt do chậm nộp BHXH	83.954.521	2.047.570
Các khoản khác	710.690.002	704.947.157
Cộng	794.644.523	706.994.727

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe, và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động khác. Công ty không phát sinh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ do Công ty phát sinh lỗ tính thuế.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khám chữa bệnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 và 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Thuế đất

Theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phương án thí điểm cổ phần hóa Bệnh viện Giao thông Vận tải Trung ương (được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải), Công ty thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đối với khu đất tại Ngõ 84 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê đất. Cam kết thuế hoạt động của Công ty chưa bao gồm tiền thuê đất đối với khu đất nêu trên.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan phát sinh giao dịch trong kỳ gồm:
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng tại Công ty trong kỳ và từ thời điểm được bổ nhiệm như sau:

Chức vụ	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Ông Phạm Đức Huy	154.807.939	244.964.883
Ông Bùi Sỹ Tuấn Anh	106.391.712	-
Ông Nguyễn Chí Thành	30.000.000	13.000.000
Ông Đinh Tiến Long	18.000.000	7.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	159.413.409	88.206.615
Ông Trần Trung	-	57.800.000
Ông Nguyễn Minh Đức	18.000.000	7.800.000
Ông Nguyễn Tùng Giang	6.000.000	2.600.000
Ông Nguyễn Hải Thịnh	-	68.000.000
Bà Hoàng Thị Hà	-	34.000.000
Đào Thị Thanh Huyền	154.152.386	159.785.295
Cộng	646.765.446	683.956.798

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của ngày 31/12/2021 và số so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.



Hoàng Thị Ánh Nguyệt
Người lập biểu

Đào Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bùi Sỹ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2022